

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học
chuyên ngành Ngôn ngữ và Truyền thông đa phương tiện

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-TTg ngày 05/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ
về việc thành lập Trường Đại học Nguyễn Trãi;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDDT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban
hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2120/QĐ-BGDDT ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Nguyễn Trãi đào tạo ngành
Quan hệ công chúng trình độ đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban đào tạo và Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Ngôn
ngữ và Truyền thông đa phương tiện thuộc ngành Quan hệ công chúng, mã ngành
7320108”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng ban Ban Đào tạo và Công tác Sinh viên, Trưởng các
đơn vị liên quan trực thuộc Trường Đại học Nguyễn Trãi chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Nhu Điều 3;
- Lưu VT, Đào tạo.



TS Nguyễn Tiến Luận



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
*(Bản hành theo Quyết định số 67/QĐ-DHNT ngày 27 tháng 5 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Trãi)*

Tên chương trình: **NGÔN NGỮ & TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN**
Ngành đào tạo: **QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**
Mã ngành đào tạo: **7320108**
Hệ đào tạo: **CHÍNH QUY**
Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**
Bằng cấp: **CỬ NHÂN**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện có phẩm chất chính trị, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe và năng lực giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn trong sự nghiệp xây dựng đất nước nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Sau khóa học, sinh viên có đủ năng lực làm việc trong các cơ quan chính phủ, phi chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức liên doanh và các tổ chức chính trị xã hội khác. Cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện còn có thể tác nghiệp tại các cơ quan báo chí, xuất bản, các Đài phát thanh, Truyền hình trung ương và địa phương; giảng dạy tại các cơ sở đào tạo bậc dưới đại học; hoặc học tiếp để nhận học vị cao hơn trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Chương trình mang đến cho sinh viên có kiến thức và hiểu biết vững vàng về chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện, có khả năng xử lý thông tin, khả năng ngoại ngữ cũng như được trang bị các kỹ năng chuyên môn để có thể đảm đương một cách hiệu quả các vị trí mà xã hội đặt ra trong quá trình hội nhập.

Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành được thiết kế theo mô hình ngành – chuyên ngành, trong đó chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa Phương tiện cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và có hệ thống, bài bản về lĩnh vực quan hệ công chúng và một số lĩnh vực chuyên sâu. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện ngành QHCC. Cụ thể, người học được trang bị các kỹ năng chuyên nghiệp để hành nghề thuộc các lĩnh vực: ngôn ngữ, truyền thông, quảng cáo, biên kịch, đạo diễn; cách sử dụng các phương tiện truyền thông như báo chí, truyền hình, truyền thanh ... trong hoạt động xã hội. Ngoài ra, người học còn được trang bị các kiến thức cần thiết về ngôn ngữ và truyền thông đa phương tiện để có thể làm công tác giảng dạy đào tạo ở dưới đại học (Cao đẳng, Trung cấp), làm phóng viên biên tập tại các cơ quan báo chí, truyền hình và các nhà xuất bản ở trung ương và các địa phương hoặc làm việc tại các cơ quan nghiên cứu cơ quan quản lý truyền thông.

1.2.2. Về kỹ năng

Cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện sẽ có kỹ năng xây dựng, duy trì phát triển quan hệ giữa tổ chức với các nhóm công chúng; tổ chức và lập các kế hoạch truyền thông, quản lý khủng hoảng; kỹ năng viết, biên tập, thẩm định và xuất bản các sản phẩm truyền thông dưới các loại hình in ấn, phát thanh, truyền hình, mạng điện tử và kỹ năng quan hệ với báo chí; có khả năng tự tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông; có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, dẫn chương trình; có kỹ năng đánh giá hiệu quả các hoạt động QHCC.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện cũng sẽ chú trọng nâng cao năng lực sinh viên về khả năng tư duy nghề nghiệp, có khả năng tiếp thu kiến thức mới, cập nhật; có khả năng sáng tạo, năng động và dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

1.2.3. Về thái độ

Cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện sẽ được rèn luyện về tác phong làm việc, thái độ đúng đắn đối với ngành học và chuyên ngành, được rèn luyện các kỹ năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn trong tương lai; có thái độ đúng đắn và có nguyên tắc, đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp; có tinh thần yêu nước và nhiệt thành cống hiến chosự phát triển xã hội.

1.2.4. Vị trí nghề nghiệp

Những vị trí mà các cử nhân ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện có thể đảm nhận khá đa dạng, bao gồm:

Làm chuyên viên PR: làm các công việc như quản lý các cơ quan báo chí, xuất bản, truyền hình, truyền thanh; có thể tổ chức sự kiện, tổ chức truyền thông nội bộ, quản trị khủng hoảng, xây dựng hình ảnh cho người nổi tiếng, quản trị thương hiệu... tại các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, các tổ chức kinh tế, quốc tế và các tổ chức xã hội, phi chính phủ ...

Làm phóng viên, biên tập viên: làm việc tại các cơ quan báo, tạp chí, hãng thông tấn, đài phát thanh, đài truyền hình và các cơ quan truyền thông, các nhà xuất bản.

Làm chuyên viên phân tích và tư vấn quan hệ công chúng: Đảm nhận các công việc như trợ lí phân tích và lập báo cáo về môi trường truyền thông đối nội và đối ngoại của đơn vị; trợ lí xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông trong kinh doanh, phát triển đội ngũ nhân sự, xây dựng và phát triển thương hiệu. Làm việc tại các công ty, tổ chức tư vấn quản trị truyền thông doanh nghiệp, các Bộ và Sở, Ban, Ngành liên quan đến truyền thông.

Làm cán bộ giảng dạy: có thể làm cán bộ giảng dạy trong các cơ sở giáo dục dưới đại học (Cao đẳng, trung cấp).

Làm cán bộ nghiên cứu và trợ lý: có thể tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến ngôn ngữ, truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo; trợ lí giám đốc cho các doanh nghiệp.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

- Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tốt 01 ngoại ngữ tương đương trình độ trung cấp và có khả năng giao tiếp cơ bản ngoại ngữ thứ 2. Có 04 ngôn ngữ để sinh viên

lựa chọn: Tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Nhật.

1.2.6. *Trình độ tin học*

- Có khả năng tổ chức ứng dụng và phát triển các ứng dụng tin học và đồ họa trong công việc thiết kế.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. *Kiến thức*

Cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện sẽ được trang bị các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, về kiến thức ngành và chuyên ngành. Ngoài việc nắm vững lý thuyết, người học còn được trang bị các kiến thức thực tế về quan hệ công chúng, về ngôn ngữ, truyền thông, quảng cáo, về sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện. Đồng thời, sau 4 năm học, cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện còn có các kiến thức cơ bản về hai thứ tiếng (ngôn ngữ), có thể sử dụng chúng trong giao tiếp và hoạt động nghề nghiệp.

2.2. *Kỹ năng*

2.2.1. *Kỹ năng nghề nghiệp*

Về kỹ năng, cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa Phương tiện sẽ có kỹ năng xây dựng, duy trì phát triển quan hệ giữa tổ chức với các nhóm công chúng; tổ chức và lập các kế hoạch truyền thông, quản lý khủng hoảng; kỹ năng viết, biên tập, thẩm định và xuất bản các sản phẩm truyền thông khác nhau dưới các loại hình in ấn, phát thanh, truyền hình, mạng điện tử ... ; có kỹ năng quan hệ với báo chí; có kỹ năng quản lý và tư vấn xây dựng chiến lược truyền thông, quảng cáo; có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình; có kỹ năng đánh giá hiệu quả các hoạt động QHCC.

2.2.2. *Kỹ năng “mềm” (soft skills)*

Chương trình đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa phương tiện cũng sẽ chú trọng nâng cao năng lực của sinh viên về khả năng tư duy chiến lược và tiếp thu kiến thức mới, cập nhật; có khả năng sáng tạo, năng động và dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; có khả năng giao tiếp, tháo vát trong công việc, có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

Đồng thời với kinh nghiệm và thế mạnh về đào tạo chuyên ngành, sinh viên còn được đào tạo về văn hóa giao tiếp, ngoại ngữ, tin học, văn hóa truyền thông, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp để giúp họ sau khi tốt nghiệp có thể chủ động sử dụng tốt tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ trong các vị trí công tác thực tế.

2.3. *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ & TT đa Phương tiện có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, biết cách giải quyết các công việc khác nhau và thích ứng với các vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 162 tín chỉ (TC), không bao gồm phần nội dung về Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (4.5 TC).
- Thời gian đào tạo: 04 năm (bao gồm thời gian học trên lớp và 01 học kỳ thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp).

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	58
1.1	Lý luận chính trị	11
1.2	Pháp luật và Đạo đức Truyền thông	2
1.3	Ngoại ngữ 1	27
1.4	Ngoại ngữ 2	18
2.	Kiến thức giáo dục chuyên ngành	90
2.1	Đại cương ngành	4
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	8
2.3	Kiến thức chuyên ngành	78
3.	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	14
3.1	Thực tập tốt nghiệp	4
3.2	Chuyên đề khóa luận tốt nghiệp	5
3.3	Khóa luận tốt nghiệp	5
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		161

4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp THPT (hoặc có trình độ tương đương), theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo đề án tự chủ tuyển sinh của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 18 tháng 03 năm 2021 và các quy định hiện hành của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

6. Cách thức đánh giá

- Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để giảng viên cho điểm thành phần của mỗi học phần.
- Riêng thực tập và khóa luận tốt nghiệp phải đạt từ điểm C trở lên mới coi là đạt.

Kết quả	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A	4
	Từ 7,0 đến 8,4	B	3
	Từ 5,5 đến 6,9	C	2
	Từ 4,0 đến 5,4	D	1
Không đạt	Dưới 4,0	F	0

7. Nội dung chương trình

7.1. Nội dung chương trình phân theo khối kiến thức

Số TT	Học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức		
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học
	1. Kiến thức giáo dục đại cương	58	870		1.740
	1.1. Lý luận chính trị	11	165		330
1.	Triết học Mác – Lê nin	3	45		90
2.	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	30		60
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		60
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		60
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		60
	1.2. Ngoại ngữ 1 (Anh)	27	405		810
6.	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 1.1	3	45		90
7.	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 1.1	3	45		90
8.	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 1.1.	3	45		90
9.	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 2.1	3	45		90
10.	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 2.2	3	45		90
11.	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 2.3	3	45		90
12.	Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.1	3	45		90
13.	Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.2	3	45		90
14.	Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.3	3	45		90
	1.3. Ngoại ngữ 2 (tiếng Trung, Nhật, hoặc Hàn)	18	270		540
15.	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.1	3	45		90

Số TT	Học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức		
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học
16.	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.2	3	45		90
17.	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.3	3	45		90
18.	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 2.1	3	45		90
19.	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 2.2	3	45		90
20.	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 2.3	3	45		90
	1.4. GD Quốc phòng – An ninh, GD thể chất	7.5	112.5		225
21.	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	4.5	67.5		135
22.	Giáo dục thể chất	3	45		90
	1.5. Khoa học – Xã hội và Nhân văn	2	30		60
23.	Pháp luật và Đạo đức truyền thông	2	30		60
	2. Kiến thức giáo dục chuyên ngành	101	965	495	2.555
	2.1. Đại cương ngành	4	60	30	120
24.	Nhập môn Quan hệ công chúng	2	30	15	60
25.	Nhập môn Quảng cáo	2	30	15	60
	2.2. Kiến thức cơ sở ngành	8	120	30	240
26.	Thực hành văn bản tiếng Việt	3	45	15	90
27.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	10	60
28.	Tin học chuyên ngành	3	45	15	90
	2.3. Kiến thức ngành	92	785	40	1.700
	2.3.1. Học phần bắt buộc	89	1060	425	2.185
29.	Maketing và quảng cáo	3	45	15	90
30.	Thiết kế sản phẩm truyền thông	2	30	15	60
31.	Kỹ năng dẫn chương trình	2	15	15	60
32.	Lý thuyết và thực hành quảng cáo	2	30	15	60
33.	Tổ chức sự kiện	4	60	15	120
34.	Sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện	2	30	10	60
35.	Ngôn ngữ thuyết trình và kỹ năng thuyết trình	2	30	15	60

Số TT	Học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức		
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học
36.	Kỹ thuật chụp và xử lý ảnh	3	20	25	90
37.	PR doanh nghiệp	4	60	20	120
38.	Kỹ năng viết bài cho báo in	2	30	10	60
39.	Viết kịch bản và ghi hình cho truyền thông đa phương tiện	2	30	15	60
40.	Viết kịch bản và đạo diễn phim ngắn	2	30	15	60
41.	Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC)	3	45		90
42.	Đạo diễn tác phẩm truyền thông	2	30	15	60
43.	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	3	45		90
44.	Sản xuất video clips	3	45	25	90
45.	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	2	30	15	60
46.	Ngôn ngữ dẫn chương trình (MC)	3	45	20	90
47.	Viết kịch bản và đạo diễn phim thời sự về doanh nghiệp	2	30	15	60
48.	Viết kịch bản và đạo diễn phim về cuộc đời doanh nhân	2	30	15	60
49.	Biên tập tác phẩm truyền thông	2	30	15	60
50.	Thẩm định tác phẩm truyền thông	2	30	15	60
51.	Cách viết cho truyền thanh và truyền hình	2	30	15	60
52.	Kỹ năng viết cho báo mạng	2	30	15	60
53.	Phỏng vấn báo chí và trả lời phỏng vấn báo chí	2	30	15	60
54.	Thực tế 1	2	30	15	60
55.	Thực tế 2	2	30	15	60
56.	Chuyên đề 1	2	30		60
57.	Chuyên đề 2	2	30		60
58.	Chuyên đề 3	2	30		60
59.	Dự án 1	2	30	15	60
60.	Dự án 2	2	30	15	60

Số TT	<i>Học phần</i>	Số tín chỉ	<i>Khối lượng kiến thức</i>		
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học
	<i>2.3.2. Học phần tự chọn (chọn 2/4 môn)</i>	5	75		150
61.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		60
62.	Kể chuyện bằng hình ảnh	2	30		60
63.	Ngôn ngữ và Văn hóa giao tiếp	3	45		90
64.	Truyền thông và toàn cầu hóa	3	45		90
	3. Thực tập và Đò án tốt nghiệp	14	0	420	840
65.	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	240
66.	Chuyên đề khóa luận tốt nghiệp	5	0	150	300
67.	Khóa luận tốt nghiệp	5	0	150	300
	Tổng cộng	159	2.895	915	5.095

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

8.1. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập:

a. Phương pháp giảng dạy

Mỗi môn học sẽ có hai phần: Phần lý thuyết và phần thực hành, trong đó phần thực hành sẽ chiếm từ 1/3 đến 40% so với tổng số giờ quy định. Phần lý thuyết, các giảng viên có thể giảng dạy trực tiếp trên lớp hoặc qua online. Phần thực hành là phần người học được giao về thực hiện ở nhà hoặc ở cơ sở thực tế.

b. Độ ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ:

Khoa có 16 cán bộ, gồm 11 cán bộ cơ hữu và 5 cán bộ kiêm nhiệm. Các cán bộ cơ hữu của khoa là các thầy cô có nhiều năm tháng và kinh nghiệm giảng dạy ở trong nước và ở nước ngoài. Trong số các cán bộ cơ hữu của Khoa, có 55% là PGS.TS; 66 % là TS, 44% là thạc sĩ và giảng viên chính, chuyên gia (có trình độ tương đương PGS hoặc thạc sĩ). Ngoài ra, còn có nhiều cộng tác viên là các nhà khoa học, các đạo diễn, biên kịch, giảng viên đại học, các doanh nghiệp và các nhà sản xuất cùng đồng hành, hỗ trợ cho công tác đào tạo.

c. Giáo trình, tài liệu

Giáo trình, tài liệu được dùng giảng dạy gồm các giáo trình và bài giảng của các trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội đã được xuất bản tại các nhà xuất bản: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, NXB Giáo dục, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, NXB Văn hóa Thông tin, NXB Thông Tấn ...:

- Giáo trình triết học Mác – Lê nin (khối các ngành ngoài lý luận chính trị Hội đồng biên soạn giáo trình môn Triết học Mác – Lê nin, Trình độ : Đại học, khối các ngành ngoài lý luận chính trị, Hà Nội 2019)
- Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam khối các ngành ngoài lý luận chính trị (Bộ Giáo dục và Đào tạo – NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019)
- Cơ sở Văn hóa Việt Nam (NXB Giáo dục, 2018)
- Thực hành văn bản tiếng Việt (NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019)
- Giáo trình tiếng Anh không chuyên: Sarah Cunningham, Peter Moor, Frances Eales (2007), New Cutting Edge. Starter. Longman (chương trình A1); Sarah Cunningham, Peter Moor, Frances Eales (2007), New Cutting Edge. Elementary. Longman (chương trình A2); Sarah Cunningham, Peter Moor, Frances Eales (2007), New Cutting Edge. Pre-Intermediate. Longman (chương trình B1); Sarah Cunningham, Peter Moor, Frances Eales (2007), New Cutting Edge. Intermediate. Longman (chương trình B2) hoặc tài liệu dạy tiếng Anh của bộ môn Ngoại ngữ, khoa Quốc tế học, Đại học Nguyễn Trãi.
- Giáo trình Hán ngữ - Đại học Ngôn ngữ Văn hóa Bắc Kinh, Trần Thị Thanh Liêm dịch (NXB Đại học Sư phạm, 2002)
- PR lý luận & ứng dụng (NXB Lao động – Xã hội, 2008)
- Viết báo như thế nào (NXB Văn hóa Thông tin, 2004)
- Truyền thông đại chúng (NXB Thông Tấn, 2007) ...

8.2. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu:

- a. Các phòng học và công nghệ: của Đại học Nguyễn Trãi.
- b. Học liệu: Khoa có Phòng tư liệu riêng, có các sách, giáo trình chuyên đề và bài giảng phục vụ cho sinh viên nghiên cứu, học tập

9. Mô tả nội dung các học phần bắt buộc

9.1. Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)

Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lê nin, và vai trò của triết học Mác - Lê nin trong đời sống xã hội. Chương II trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương III trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

9.2. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 6 chương: trong đó, chương I bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lê nin. Từ chương II đến chương VI trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lê nin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền

trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương I, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương II đến chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

9.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương I, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương II đến chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

9.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hóa; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

9.6. Ngoại ngữ 1 (tiếng Anh) - Sơ cấp ở mục 1.1 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với tiếng Anh, một ngôn ngữ thông dụng của thế giới.

- Mục tiêu học phần: trang bị cho người học kiến thức cơ bản về hệ thống nguyên âm, phụ âm trong tiếng Anh, cách đọc và viết tiếng Anh; giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức độ đơn giản với các chủ đề: chào hỏi, giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích, ẩm thực.

9.7. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp ở mục 1.2 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Anh sơ cấp tại mục 1.1. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 1.

- Mục tiêu học phần: Rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ đơn giản; bước đầu phát triển kỹ năng tư duy về giao tiếp tiếng Anh bằng các câu đơn giản về các chủ đề thuộc lĩnh vực sinh hoạt (bản thân, gia đình, mua sắm, nghề nghiệp). Bên cạnh đó, người học còn được rèn luyện để phát triển các kỹ năng học từ vựng ở mức độ cao hơn

9.8. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp ở mục 1.3 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Anh Sơ cấp mục 1.2. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 1.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ cao và phức tạp hơn ; bước đầu phát triển kỹ năng tư duy để có thể chủ động giao tiếp tiếng Anh bằng các câu đơn giản về các chủ đề thuộc lĩnh vực sinh hoạt như ăn uống, thể thao, giải trí, mua sắm.... Ngoài ra, các bài giảng còn rèn luyện cho người học kỹ năng đọc hiểu văn bản ngắn, luyện kỹ năng viết chính tả, viết câu và viết đoạn văn ngắn.

9.9. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp ở mục 2.1 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Anh Sơ cấp mục 1.3. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 1.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ cao và phức tạp hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng đọc – hiểu văn bản, kỹ năng hội thoại theo chủ đề thuộc các lĩnh vực đời sống, xã hội như học tập, nghiên cứu khoa học, kinh tế, chính trị. Kết thúc học phần này, sinh viên có thể hội thoại, trao đổi bằng tiếng Anh về các chủ đề liên quan đến học tập, sinh hoạt, khoa học.

9.10. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp ở mục 2.2 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Anh Sơ cấp mục 2.1. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 1.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ cao và phức tạp hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng nghe – nói, kỹ năng hội thoại bằng tiếng Anh theo chủ đề thuộc các lĩnh vực đời sống, xã hội, như: học tập, nghiên cứu khoa học, kinh tế, văn hóa, phong tục.

9.11. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp ở mục 2.3 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Anh Sơ cấp mục 2.2. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 1.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ cao và phức tạp hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng nghe – nói, kỹ năng hội thoại bằng tiếng Anh theo chủ đề mở rộng thuộc các lĩnh vực, như: học thuật, nghiên cứu khoa học, kinh tế, chính trị, ngoại giao.

9.12. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp ở mục 1.1 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Anh Sơ cấp mục 2.3. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 1.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ sâu hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng nghe – ghi bằng tiếng Anh (Nghe và ghi lại các nội dung chính của bài phát biểu, bài thuyết trình); kỹ năng hội thoại theo chủ đề mở rộng thuộc các lĩnh vực, như: học thuật, nghiên cứu khoa học, đầu tư, hội nhập khu vực và quốc tế. Kết thúc học phần, người học có thể nói được bằng tiếng Anh với các câu đơn mở rộng.

9.13. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp ở mục 1.2 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Anh Trung cấp mục 1. 1. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 1.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ sâu hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng đọc – dịch văn bản bằng tiếng Anh (dịch xuôi); kỹ năng thảo luận chuyên đề về các nội dung đã học. Kết thúc học phần, người học có thể đọc và hiểu được các bài nghiên cứu đơn giản bằng tiếng Anh và có thể dịch ra tiếng Việt một cách tương đối chính xác (không bị sai lạc nội dung chính). Kết thúc học phần, người học có thể nói được bằng tiếng Anh với một số câu phức tạp.

9.14. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp ở mục 1.3 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Anh Trung cấp mục 1. 2. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 2.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ phức tạp hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng dịch văn bản từ tiếng Việt sang tiếng Anh (dịch ngược); kỹ năng thảo luận chuyên đề về các nội dung đã học bằng tiếng Anh. Kết thúc học phần, người học có thể dịch được các bài phát biểu từ tiếng Việt sang tiếng Anh, dịch được các văn bản chuyên ngành có độ dài trung bình từ tiếng Việt sang tiếng Anh một cách tương đối chính xác (không bị sai lạc nội dung chính).

9.15. Ngoại ngữ 2 (tiếng Trung) - Sơ cấp ở mục 1.1 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần : Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, giúp cho sinh viên bước đầu làm quen với tiếng Trung, một ngôn ngữ có quan hệ gần gũi với tiếng Việt và được sử dụng khá rộng rãi trên thế giới.

- Mục tiêu học phần: trang bị cho người học kiến thức cơ bản về hệ thống nguyên âm, phụ âm trong tiếng Trung, cách đọc và viết tiếng Trung; giao tiếp bằng tiếng Trung

ở mức độ đơn giản với các chủ đề: chào hỏi, giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích, ẩm thực.

9.16. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp ở mục 1.2 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Trung sơ cấp 1.1. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 2.

- Mục tiêu học phần: Rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở mức độ đơn giản; bước đầu phát triển kỹ năng tư duy về giao tiếp tiếng Trung bằng các câu đơn giản về các chủ đề thuộc lĩnh vực sinh hoạt (bản thân, gia đình, mua sắm, nghề nghiệp). Bên cạnh đó, người học còn được rèn luyện để phát triển các kỹ năng học từ vựng ở mức độ cao hơn

9.17. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp ở mục 1.3 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Trung Sơ cấp mục 1.3. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 1.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ cao và phức tạp hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng đọc – hiểu văn bản, kỹ năng hội thoại theo chủ đề thuộc các lĩnh vực đời sống, xã hội như học tập, nghiên cứu khoa học, kinh tế, chính trị. Kết thúc học phần này, sinh viên có thể hội thoại, trao đổi các câu đơn giản bằng tiếng Trung về các chủ đề liên quan đến học tập, sinh hoạt, khoa học.

9.18. Ngoại ngữ 2 - Trung cấp, ở mục 2.1 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Trung Sơ cấp mục 1.3. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 2.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ sâu hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng nghe – ghi bằng tiếng Trung (Nghe và ghi lại các nội dung chính của bài phát biểu, bài thuyết trình); kỹ năng hội thoại theo chủ đề mở rộng thuộc các lĩnh vực, như: học thuật, nghiên cứu khoa học, đầu tư, hội nhập khu vực và quốc tế. Kết thúc học phần, người học có thể nói được bằng tiếng Trung với các câu đơn mở rộng.

9.19. Ngoại ngữ 2 - Trung cấp, ở mục 2.2 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Trung Trung cấp mục 1.1. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 2.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ sâu hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng đọc – dịch văn bản bằng tiếng Trung (dịch xuôi); kỹ năng thảo luận chuyên đề về các nội dung đã học. Kết thúc học phần, người học có thể đọc, hiểu được các văn bản ngắn bằng tiếng Trung và có thể dịch ra tiếng Việt một cách tương đối chính xác (không bị sai lạc nội

dung chính).). Kết thúc học phần, người học có thể nói được bằng tiếng với Trung một số câu phức tạp.

9.20. Ngoại ngữ 2 - Trung cấp 2.3 (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, ở trình độ cao hơn so với tiếng Anh Trung cấp mục 2.1. trong chương trình đào tạo Ngoại ngữ 2.

- Mục tiêu học phần: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho người học ở mức độ phức tạp hơn. Người học sẽ được rèn luyện về kỹ năng dịch văn bản từ tiếng Việt sang tiếng Trung (dịch ngược); kỹ năng thảo luận chuyên đề về các nội dung đã học bằng tiếng Trung. Kết thúc học phần, người học có thể dịch được các bài phát biểu ngắn từ tiếng Việt sang tiếng Trung, dịch được các văn bản chuyên ngành ở mức đơn giản từ tiếng Việt sang tiếng Trung một cách tương đối chính xác (không bị sai lạc nội dung chính).

Ghi chú:

- Ngoại ngữ 1: Tổng 27 tín chỉ, Ngoại ngữ 2: Tổng 18 tín chỉ.

- Sinh viên có thể chọn tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn hoặc tiếng Nhật là ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 để học.

- Để cung chi tiết các học phần ngoại ngữ do các Bộ môn ngoại ngữ, Khoa Quốc tế thực hiện theo Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngoại ngữ của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

9.21. Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

- Mục tiêu học phần: giúp người học có nhận thức đầy đủ về rèn luyện sức khỏe và thực hành luyện tập thường xuyên để có thể làm việc và công hiến lâu dài.

Học phần bao gồm hai phần. Phần một là phần lý thuyết chung về bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông và thể dục phát triển. Phần hai là phần thực hành gồm: thể dục phát triển chung với bài thể dục 56 động tác. Bóng chuyền: tập luyện những kỹ thuật cơ bản chiến thuật, luật bóng chuyền. Bóng rổ: tập luyện những kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật bóng rổ; luyện tập cầu lông.

9.22. Giáo dục Quốc phòng – An ninh (4,5 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần này thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương.

- Mục tiêu học phần: Giúp cho người học có được nhận thức đầy đủ về vai trò của quốc phòng, an ninh đối với sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Học phần cung cấp kiến thức về Đường lối quân sự của Đảng, công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn rèn

luyện các kỹ năng chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiêu diệt AK từng người trong chiến đấu tiến công và trong chiến đấu phòng ngự.

Ghi chú: Đề cương chi tiết học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội chịu trách nhiệm.

9.23. Nhập môn về quan hệ công chúng (4 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Nhập môn quan hệ công chúng: Giúp sinh viên nắm bắt được những kiến thức cơ bản về môn của ngành quan hệ công chúng: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của ngành; cơ cấu môn quan hệ công chúng; những khái niệm phạm trù cơ bản của quan hệ công chúng. Sơ lược về sự hình thành, phát triển của ngành quan hệ công chúng;

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn học, từ đó có thể ứng dụng xã hội học vào công tác chuyên môn và giải quyết các vấn đề của thực tiễn xã hội.

9.24. Nhập môn quảng cáo

- Mô tả học phần: Học phân giúp sinh viên nắm bắt được những kiến thức cơ bản về quảng cáo: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của quảng cáo; những khái niệm cơ bản của quảng cáo. Sơ lược về sự hình thành, phát triển và tác dụng của quảng cáo đối với công chúng.

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quảng cáo , từ đó có thể ứng dụng vào thực hành quảng cáo cho doanh nghiệp, cho nhà sản xuất và các siêu thị

9.25. Thực hành văn bản tiếng Việt (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: *Thực hành văn bản tiếng Việt* (còn gọi là *Tiếng Việt thực hành*) là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên ngành. Học phần có vai trò quan trọng, giúp cho sinh viên những hiểu biết về tiếng Việt nói riêng và ngôn ngữ nói chung. Trên cơ sở đó, người học sẽ có được những thuận lợi khi học các ngoại ngữ khác nhau và dễ dàng tiếp thu các môn học khác.

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về tiếng Việt:

+ Lý thuyết: Hiểu được các khái niệm cơ bản như: nguyên âm, phụ âm, qui tắc chính tả, từ, câu tạo từ, câu và văn bản.

+ Thực hành: Kết thúc môn học, người học sẽ nắm được các nguyên tắc viết chính tả tiếng Việt; phân biệt được tính đúng, sai, chuẩn mực và không chuẩn mực trong cách dùng từ, đặt câu trong giao tiếp hàng ngày và trong quá trình xây dựng văn bản. Bên cạnh đó, người học còn nắm được các thao tác cơ bản để có thể phân tích văn bản và xây dựng văn bản; biết cách tóm tắt và mở rộng (phát triển) văn bản.

9.26. Phương pháp nghiên cứu khoa học

- Mô tả học phần: Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục chuyên ngành. Học phần có vai trò quan trọng, giúp cho sinh viên những hiểu biết về phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung. Trên cơ sở đó, người học sẽ có được những thuận lợi khi thực hiện các công trình tập sự nghiên cứu như: khóa luận, luận văn và công việc nghiên cứu lâu dài.

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên các bước thực hiện nghiên cứu khoa học cũng như các thao tác cần thiết trong quá trình nghiên cứu..

+ Lý thuyết: Hiểu được các khái niệm cơ bản về thủ pháp nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.

+ Thực hành: Vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu một đề tài cụ thể.

9.27. Tin học chuyên ngành (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Tin học chuyên ngành là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành báo chí.

Học phần có vài trò trỏ yếu trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản về tin học, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ, các chương trình ứng dụng thông thường. Từ đó có thể sử dụng công tin học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

Học phần có quan hệ với các học phần giải tích, đại số tuyến tính, xác suất thống kê, ngoại ngữ.

- Mục tiêu học phần: Giúp cho sinh viên nắm chắc các kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản sau đây:

+ Lý thuyết: Tổng quan về thông tin, xử lý thông tin mạng máy tính, hệ điều hành và các phần mềm hỗ trợ, một số chương trình ứng dụng thông thường phổ biến.

+ Thực hành: Soạn thảo văn bản Microsoft word, sử dụng bảng tính excel, power point, photoshop, các phần mềm thiết kế sản phẩm truyền thông, sử dụng, bảo quản máy tính, chống virut máy tính. Ứng dụng thực hành tin học trong ngành báo chí.

9.28. Marketing và quảng cáo (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Học phần giúp cho người học những nguyên lý cơ bản phân biệt Marketing và quảng cáo, giới thiệu những điều kiện ứng dụng lý thuyết Marketing và quảng cáo trong môi trường kinh doanh trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay. Sinh viên học xong môn này có thể áp dụng các tri thức để thực hiện Marketing và quảng cáo vào quá trình hoạt động quan hệ công chúng ở các doanh nghiệp các cơ quan chính phủ và phi chính phủ.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học một công cụ cơ bản để hiểu biết thị trường và nhu cầu của khách hàng, từ đó nhận biết và có cách ứng xử phù hợp trước những đòi hỏi của thị trường. Học phần đề cập tới cách lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch quảng bá cho doanh nghiệp thông qua 4 đối tượng của Marketing và các hình thức quảng cáo là sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

9.29. Thiết kế sản phẩm truyền thông

- Mục tiêu học phần: Học phần giúp cho người học những khái niệm cơ bản về sản phẩm truyền thông và cách thiết kế các sản phẩm cụ thể.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cần thiết về các loại sản phẩm truyền thông đang tồn tại trên thế giới và Việt Nam. Từ các lý thuyết về thiết kế sản phẩm học được, sinh viên học xong môn học có thể thiết kế một loại sản phẩm cụ thể mà mình yêu thích.

9.30. Kỹ năng dẫn chương trình (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Giúp người học nắm được các nguyên tắc và kiến thức cần thiết để có thể trở thành người kết nối giao tiếp, thuyết trình, người dẫn chương trình chuyên nghiệp. Ngoài ra, người học vẫn có thể áp dụng kiến thức học được để làm: MC sự kiện ra mắt sản phẩm, MC phong trào đoàn thể của cơ quan, MC đám cưới, thuyết trình, giảng dạy, hay để có thể nói chuyện chuyên đề trước đám đông...

- Nội dung kiến thức: Cung cấp cho người học các công cụ để tư duy tích cực và có khả năng đánh giá đúng đắn các vấn đề quan trọng đặt ra trong giao tiếp. Giúp học viên nâng cao khả năng thích nghi với các môi trường, nghề nghiệp mới, cả ở Việt Nam và nước ngoài; Khuyến khích học viên sử dụng các phương tiện truyền thông đa dạng, bao gồm các sách, báo, tạp chí quốc tế và mạng Internet khi làm MC.

9.31. Lý thuyết và thực hành quảng cáo (2 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Kiến thức về quảng cáo là kiến thức thuộc học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành QHCC. Học phần có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về quảng cáo trên báo chí hoặc trên mạng xã hội. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức lý thuyết và cách tiến hành quảng cáo trước công chúng nhằm thông tin, thuyết phục, cảm hóa, tạo ra nhiều niềm tin thôi thúc hành động cho người đọc.

- Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải nắm được lý thuyết kiến thức và kỹ năng thực hành sau đây:

+ Lý thuyết: Nắm được các khái niệm, thể mạnh và đặc điểm nghệ thuật của quảng cáo.

+ Lợi ích của quảng cáo đối với doanh nghiệp và nhà sản xuất.

+ Thực hành: Vận dụng các hiểu biết nghệ thuật QC để ứng dụng vào QC các sản phẩm khác nhau của doanh nghiệp, của nhà sản xuất và các siêu thị bán hàng.

9.32. Tổ chức sự kiện (4 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Phát triển khả năng lập kế hoạch và thực thi kế hoạch trong việc tổ chức các sự kiện như họp báo, giao lưu, văn hoá, thể thao, gây quỹ, từ thiện v.v. Môn học đưa ra những trường hợp, tình huống để người học áp dụng kiến thức và kỹ năng tổ chức sự kiện như quản lý nhân sự, ngân quỹ và thời gian.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giới thiệu một trong những nhiệm vụ quan trọng của cán bộ quan hệ công chúng đó là tổ chức các sự kiện, nhằm đạt tới những mục tiêu truyền thông của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Học phần cung cấp lý

thuyết và những trường hợp từ thực tiễn liên quan đến kỹ năng tổ chức như lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá sự kiện, quản lý ngân sách, nhân sự, thời gian, quảng bá, xử lý các tình huống này sinh trong quá trình tổ chức họp báo, sự kiện thể thao, lễ hội, hội thảo ở các cấp độ, quy mô khác nhau.

9.33. Sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện (3 tín chỉ)

- Mục tiêu của môn học:

+ *Kiến thức*: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về lý luận như thiết kế, trình bày các sản phẩm truyền thông. Từ những kiến thức được trang bị, sinh viên có thể thực hành, đánh giá, sử dụng được các sản phẩm truyền thông trong công việc của mình sau khi tốt nghiệp.

+ *Kỹ năng*: Sinh viên có thể sử dụng thuận thực các kỹ năng thiết kế, trình bày các sản phẩm truyền thông ngay khi kết thúc môn học và làm việc ở các cơ sở sau khi tốt nghiệp.

9.34. Ngôn ngữ thuyết trình và kỹ năng thuyết trình (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Giúp người học có thể thuyết trình dự án, kế hoạch sản xuất, hoặc công trình nghiên cứu hay các sự kiện liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp hoặc nhà sản xuất.

- Nội dung học phần: Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về đặc điểm của ngôn ngữ và kỹ năng thuyết trình liên quan đến các vấn đề của doanh nghiệp, cơ quan hay kết quả nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, người học còn có thể áp dụng kiến thức học được để thuyết trình về sản phẩm, thuyết trình về con đường hình thành và phát triển doanh nghiệp ... Ngoài ra, với các kiến thức được trang bị, người học có thể làm MC cho các hội nghị của cơ quan, MC đám cưới, MC truyền hình Học phần giúp học viên nâng cao khả năng thích nghi với các môi trường nghề nghiệp ở Việt Nam và ở nước ngoài; khuyến khích học viên vận dụng các phương tiện truyền thông đa dạng, bao gồm các sách, báo, tạp chí quốc tế và mạng Internet vào thực hiện nhiệm vụ của MC.

9.35. Kỹ thuật chụp và xử lý ảnh (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Giúp người học nắm được các thao tác kỹ thuật cơ bản để chụp hình và xử lý ảnh một cách chuyên nghiệp.

- Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến nghệ thuật chụp ảnh cho các hoạt động QHCC như: chụp ảnh báo chí, chụp ảnh cưới ngoại cảnh và trong Studio. Đây là môn học có vai trò rất quan trọng đối với phóng viên báo chí, truyền hình và những người làm truyền thông, quan hệ công chúng nói chung. Ngoài làm việc ở các cơ quan truyền thông và các doanh nghiệp, người học khi ra nghề có thể làm công việc tự do vẫn có được thu nhập đáng kể. Với chương trình học phong phú và giáo viên giàu kinh nghiệm, học viên sẽ được trang bị các kiến thức về chụp và chỉnh sửa hình ảnh hiện đại nhất.

9.36. PR doanh nghiệp (4 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị những kiến thức về phương thức hoạt động của quan hệ công chúng trong các tổ chức thuộc 3 khu vực chính phủ, phi chính phủ và doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu rõ những nét tương đồng và đặc trưng riêng của hoạt động quan hệ công chúng tại các tổ chức khác nhau, từ đó xác định được phương thức quan hệ công chúng phù hợp tại các tổ chức, đơn vị cụ thể. Người học sẽ biết đánh giá vai trò tích cực của hoạt động quan hệ công chúng.

- Mô tả nội dung học phần: Học phần đưa ra các dẫn liệu để miêu tả và phân tích thực tiễn hoạt động quan hệ công chúng tại các khu vực chính phủ, doanh nghiệp và phi chính phủ; làm rõ những mô hình, cơ cấu của các tổ chức thuộc 3 khu vực trên, đồng thời nêu ra đặc trưng của hoạt động quan hệ công chúng tại các khu vực đó.

Trong thời gian học, người học sẽ được thảo luận về thực tiễn và đạo đức hành nghề quan hệ công chúng tại những tổ chức khác nhau.

9.37. Kỹ năng viết cho báo in (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Giúp người học hiểu được các đặc trưng riêng của báo in so với báo mạng cũng như các yêu cầu đặt ra cho người viết báo. Từ đó, người học có được nhận thức đúng đắn về vai trò, chức năng của báo chí trong đời sống xã hội.

- Nội dung học phần: Họ phần sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng để tổ chức bài viết theo các kiểu cấu trúc khác nhau và cách viết cho mỗi loại báo khác nhau.

Trong quá trình học, người học sẽ được thảo luận về đạo đức của người làm phóng viên báo chí trong thời đại hiện nay và tác động của báo chí đối với dư luận xã hội.

9.38. Cách viết kịch bản và ghi hình cho truyền thông đa phương tiện (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Giúp người học nắm được các thao tác để xây dựng đê cương, tổ chức các loại kịch bản truyền thông khác nhau, như: tiktok, youtube ...

- Mô tả nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên lý luận về cách viết các loại kịch bản truyền thông và cách ghi hình các sự kiện, con người liên quan đến kịch bản.. Khi học, người học sẽ được vận dụng lý thuyết để thực hành ngay tại lớp viết một số kịch bản ngắn nói về cuộc sống sinh viên hoặc các hoạt động xã hội như: hoạt động từ thiện, phong trào giúp đỡ đồng bào và học sinh vùng cao, hoạt động thiện nguyện giúp nhân dân vùng bị dịch ...

Nội dung học phần gồm hai phần: lý thuyết và thực tiễn. Các kịch bản của sinh viên tập sự, nếu có chất lượng tốt, có thể được dàn dựng thành tiểu phẩm hoặc làm video cho môn học.

9.39. Viết kịch bản và đạo diễn phim ngắn (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, có hệ thống về thể loại phim ngắn và vai trò của nó trong truyền thông đối với xã hội; giúp phát huy vai trò của truyền thông trong việc khích lệ, tuyên truyền các tinh thần về kinh doanh

sản xuất, hoạt động từ thiện, lao động công hiến, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng ... nhằm quảng bá hình ảnh Việt Nam ra khu vực và trên thế giới.

- Mô tả học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và kỹ năng trong biên kịch và đạo diễn phim ngắn như: phim ngắn thuộc về truyền thông khác với phim nghệ thuật thế nào? Các sự kiện, con người nào được chú ý trong khi viết kịch bản phim ngắn? Các nguyên tắc lý luận về đạo diễn phim ngắn ...

Ngoài việc trang bị lý thuyết, các giảng viên còn hướng dẫn người học thực hiện công tác biên kịch và đạo diễn một phim ngắn liên quan đến một chủ đề đang được quan tâm của xã hội.

9.40. Truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC 3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những tri thức tổng hợp về ngôn ngữ báo chí và truyền thông và sử dụng các tri thức này theo cách tích hợp để tiếp thị khách hàng một cách có hiệu quả.

- Mô tả học phần: Học xong học phần, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn trong chiến lược truyền tải các thông điệp, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi của thương hiệu tới khách hàng và nhân viên trong doanh nghiệp; quảng bá các sản phẩm của doanh nghiệp hoặc nhà sản xuất trước xã hội và tạo cho người sử dụng sản phẩm những thuận lợi.

Trong quá trình tiếp thu học phần, người học sẽ được trải nghiệm thực tế ở các doanh nghiệp hoặc nhà sản xuất.

9. 41. Đạo diễn tác phẩm truyền thông (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về nghiệp vụ đạo diễn và cách sử dụng các tri thức một cách có hiệu quả khi đạo diễn các tác phẩm truyền thông.

- Mô tả học phần: Học phần giúp người học phân biệt được một cách rõ ràng, cách đạo diễn, dàn dựng tác phẩm truyền thông với đạo diễn chương trình và đạo diễn tác phẩm nghệ thuật. Học xong học phần, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn trong việc dàn dựng và sản xuất các tác phẩm truyền thông như video, tiktok, youtube ... vào việc quảng bá thương hiệu tới khách hàng và nhân viên trong doanh nghiệp; quảng bá các sản phẩm của doanh nghiệp hoặc nhà sản xuất trước xã hội và tạo cho người sử dụng tâm lý tích cực trong sử dụng sản phẩm truyền thông.

Trong quá trình tiếp thu học phần, người học sẽ được trải nghiệm thực tế ở các doanh nghiệp hoặc ở nơi sản xuất để có thể dàn dựng một tác phẩm truyền thông cụ thể.

9. 42. Quản trị truyền thông trong khủng hoảng (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản quản lý khủng hoảng đối với một tổ chức. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch để phòng khủng hoảng và truyền thông trong khủng hoảng.

- Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được các kiến thức lý thuyết cơ bản và có kỹ năng thực hành:

+ Lý thuyết: Nhận thức đầy đủ và có hệ thống các khái niệm quản lý khủng hoảng, quy trình quản lý khủng hoảng, dự báo và ngăn ngừa khủng hoảng, đồng thời vừa quản lý được khủng hoảng vừa có kế hoạch để khôi phục hình ảnh của doanh nghiệp, của nhà sản xuất, hoặc siêu thị bán hàng ... sau khủng hoảng.

+ Thực hành: Thực thi các chiến dịch truyền thông nhằm phân tích nguyên nhân khủng hoảng, giải quyết mâu thuẫn giữa các nhóm công chúng và có biện pháp xử lý khủng hoảng.

9. 43. Sản xuất video clips (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những thao tác thiết kế, sản xuất video clips phục vụ cho công tác truyền thông.

- Mô tả học phần: Học phần giúp người học nắm được các nguyên tắc thiết kế cũng như các bước đi cụ thể khi sản xuất video clips. Trên sơ sở đó, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn để sản xuất các video clips nói về doanh nghiệp, về ông chủ doanh nghiệp, về các sản phẩm của doanh nghiệp hoặc nhà sản xuất theo các kịch bản khác nhau.

Trong quá trình học, người học sẽ được thử nghiệm thiết kế và sản xuất video clips theo sự hướng dẫn của giảng viên.

9. 44. Ứng dụng đồ họa đa phương tiện (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cần thiết khi vận dụng được kiến thức đồ họa vào các lĩnh vực truyền thông và phát huy hiệu quả của nó trong thực tế.

- Mô tả học phần: Học phần giúp người học nắm được vai trò, giá trị của đồ họa trong thiết kế và sản xuất các sản phẩm truyền thông. Trên sơ sở đó, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn để giúp các doanh nghiệp, nhà sản xuất quảng bá các sản phẩm của mình, làm tăng thêm giá trị thương hiệu và mức độ tin tưởng của người tiêu dùng.

Trong quá trình học, người học sẽ được giảng viên giới thiệu về các cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp để thực hành và làm quen với thực tế.

9.45. Ngôn ngữ dẫn chương trình (MC)

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đặc điểm ngôn ngữ sử dụng cho người dẫn chương trình trong các môi trường và hoàn cảnh khác nhau. Từ đó có thể vận dụng vào thực tế khi thực hành dẫn chương trình cho một hội nghị, một cuộc tọa đàm về các hiện tượng bất thường xảy ra trong xã hội.

- Mô tả học phần: Học phần giúp người học nắm được vai trò, giá trị của các yếu tố ngôn ngữ trong nghiệp vụ MC. Trên sơ sở đó, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn để tham gia dẫn chương trình cho truyền hình, truyền thanh, đám cưới, tiệc tùng ...

Trong quá trình học, người học sẽ được giảng viên giới thiệu về các cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp để thực hành và làm quen với thực tế.

9.46. Viết kịch bản và đạo diễn phim thời sự về doanh nghiệp (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức bài bản và các thao tác, kỹ năng viết kịch bản cũng như nghiệp vụ đạo diễn phim thời sự nói chung và phim thời sự về doanh nghiệp nói riêng. Từ đó có thể vận dụng vào thực tế khi thực hành công việc.

- Mô tả học phần: Học phần giúp người học nắm được qui trình viết kịch bản, cách thức lựa chọn các sự kiện để xây dựng kịch bản cũng như cách sử dụng các yếu tố ngôn ngữ trong nghiệp vụ biên kịch. Học phần còn giúp người học nắm được các lý luận cơ bản về công tác đạo diễn phim thời sự. Trên cơ sở đó, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn để tham gia viết kịch bản và đạo diễn phim làm về một doanh nghiệp cụ thể.

Trong quá trình học, người học sẽ được giảng viên giới thiệu về các cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp để tập sự viết kịch bản và đạo diễn phim thời sự ngắn.

9.47. Viết kịch bản và đạo diễn phim về cuộc đời doanh nhân (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết và các thao tác cơ bản về kỹ năng viết kịch bản cũng như nghiệp vụ đạo diễn phim về doanh nhân nói chung và phim về những người thành đạt nói riêng. Từ đó có thể vận dụng vào thực tế khi thực hành công việc.

- Mô tả học phần: Học phần giúp người học nắm được qui trình viết kịch bản, cách thức lựa chọn các sự kiện và các yếu tố tác động đến cuộc đời và sự nghiệp của doanh nhân để xây dựng kịch bản cũng như cách sắp xếp các sự kiện, nhân tố có ảnh hưởng tích cực đến sự thành bại trong sự nghiệp của doanh nhân. Học phần còn giúp người học nắm được các lý luận cơ bản về công tác đạo diễn phim chân dung. Trên cơ sở đó, người học có thể ứng dụng vào thực tiễn để tham gia viết kịch bản và đạo diễn phim làm về doanh nhân hoặc những người nổi tiếng trong xã hội.

Trong quá trình học, người học sẽ được giảng viên giới thiệu về các cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp để thực hành và làm quen với công việc biên kịch và đạo diễn

9.48. Biên tập tác phẩm truyền thông (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những hiểu biết và các kiến thức cơ bản về kỹ năng biên tập các tác phẩm truyền thông như: biên tập tác phẩm báo chí, biên tập kịch bản ... nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng trước khi phát hành trước công chúng. Từ đó, người học có thể vận dụng vào thực tế khi thực hành công việc được giao.

- Mô tả học phần: Học phần giúp người học nắm được các nguyên tắc lý thuyết và thực hành trong công tác biên tập cũng như các kiến thức nền mang tính hỗ trợ cho nghiệp vụ biên tập; cách xử lý biên tập với các tác phẩm truyền thông khác nhau.

Trong quá trình học, người học sẽ được giảng viên giới thiệu về các cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp để thực hành và làm quen với công việc.

9.49. Thẩm định tác phẩm truyền thông

- Mục tiêu học phần: Giúp người học nhận thức được đầy đủ và đúng đắn vai trò quan trọng của công tác thẩm định đối với các tác phẩm truyền thông; hiểu được qui trình thẩm định là qui trình có tính bắt buộc đối với toàn bộ quá trình sản xuất để tạo ra

sản phẩm truyền thông; có ý thức tự chủ trong việc tự học tập rèn luyện để có được kiến thức sâu và rộng để tham gia vào công tác thẩm định tác phẩm.

- Mô tả học phần: Học phần giúp người học nắm được các nguyên tắc cơ bản của công tác thẩm định; nắm được các kiến thức chuyên sâu và kiến thức liên ngành, cũng như thực tiễn của công tác thẩm định, giúp cho toàn bộ qui trình sản phẩm truyền thông có thể khắc phục, sửa chữa các hạn chế, nâng cao chất lượng của tác phẩm truyền thông trước khi được phát hành rộng rãi trước công chúng.

Trong quá trình học, người học sẽ được giảng viên giới thiệu về các cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp để thực hành và làm quen với nghiệp vụ thẩm định.

9.50. Cách viết cho truyền thanh và truyền hình

- Mục tiêu học phần: Giúp người học nhận thức rõ sự khác biệt cơ bản giữa truyền thanh và truyền hình để định hướng và lựa chọn cách viết sao cho đạt được hiệu quả cao nhất.

- Mô tả học phần: Học phần bao gồm hai nội dung cơ bản cung cấp cho người học các tri thức cần thiết để hiểu được các đặc trưng cơ bản của phương tiện truyền thanh và truyền hình. Từ đó, người học có thể lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ thích hợp để diễn đạt nội dung thông tin qua các bài viết thuộc các loại thể khác nhau.

Trong quá trình học, người học sẽ được giảng viên giới thiệu về các cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp để thực hành và làm quen với việc viết bài theo các chủ đề mà giảng viên yêu cầu.

9.51. Kỹ năng viết bài cho báo mạng

- Mục tiêu học phần: Giúp người học nhận thức được đầy đủ các đặc trưng riêng của báo mạng so với báo giấy. Từ đó có thể lựa chọn cách viết sao cho đạt hiệu quả cao nhất trong việc truyền đạt nội dung thông tin đến người đọc.

- Mô tả học phần: Học phần cung cấp các lý thuyết cơ bản về báo mạng cũng như tình hình thực tế của sử dụng báo mạng trong giai đoạn hiện đại. Từ đó, học phần trang bị cho người học các thao tác, kỹ năng viết bài với các chủ đề khác nhau.

Trong quá trình học, người học sẽ được giảng viên giới thiệu về các cơ sở sản xuất hoặc doanh nghiệp để thực hành viết bài cho báo mạng.

9.52. Phỏng vấn báo chí và trả lời phỏng vấn báo chí

- Mục tiêu học phần: Giúp người học nắm được các lý thuyết cơ bản về xây dựng một bài phỏng vấn và trả lời phỏng vấn báo chí. Từ đó, người học có thể vận dụng kiến thức học được để tiến hành phỏng vấn doanh nghiệp hoặc các nhân vật nổi tiếng trong xã hội về hoạt động và đóng góp của họ cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

- Mô tả học phần: Học phần trang bị cho người học cách sử dụng các phương tiện để phỏng vấn báo chí, cách đặt câu hỏi cho các loại đối tượng khác nhau và cách gợi ý của phóng viên cho đối tượng hướng vào nội dung trọng tâm mà cuộc phỏng vấn cũng như dư luận đang muốn làm rõ.

Trong quá trình học, người học sẽ được giảng viên giới thiệu về các cơ sở sản xuất hoặc các nhân vật nổi tiếng để thực hành phóng vấn báo chí.

9. 53. Thực tế 1 (1 tín chỉ) và thực tế 2 (2 tín chỉ)

- Mục tiêu: Giúp sinh viên thâm nhập và hòa nhập nhanh với thực tiễn hoạt động của báo chí, truyền thông.

- Nội dung: Các sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên kết hợp với doanh nghiệp bước đầu tìm hiểu về các hoạt động thực tế về truyền thông như: tổ chức sự kiện, báo chí, PR tại doanh nghiệp. Sau khi tiếp cận với thực tế, sinh viên có thể tiến hành thực tập tốt nghiệp, tự tổng hợp, vận dụng những kiến thức đã được học chuyên ngành vào việc giải quyết các công việc có liên quan trong lĩnh vực truyền thông, quan hệ công chúng.

9. 54. Chuyên đề 1 (1 tín chỉ) và Chuyên đề 2 (2 tín chỉ)

- Mục tiêu: Trang bị cho người học một số kiến thức chuyên sâu về Ngôn ngữ báo chí và truyền thông đa phương tiện.

- Mô tả học phần: Học phần có vai trò quan trọng trong tổng kết lý luận và đi sâu về hoạt động truyền thông trong một số lĩnh vực chuyên biệt. Qua nội dung của các bài giảng, người học có thể hình dung được xu hướng phát triển của QHCC trong tương lai.

- Nội dung học phần: Đây là học phần bao gồm những chuyên đề do các chuyên gia, những nhà quản lý lãnh đạo một số lĩnh vực chịu trách nhiệm trình bày. Vì vậy chuyên đề mang ý nghĩa thực tiễn khá cao. Học xong chuyên đề, người học có thể cung cấp những kiến thức lý luận đã được học qua các học phần. Nội dung của chuyên đề tùy thuộc tình hình thực tiễn để mời người đảm nhận. Bước đầu, có các chuyên đề sau:

+ *Chuyên đề 1: Xây dựng kịch bản cho video về thành công của một nhân vật nổi tiếng, có các nội dung sau:*

- * Tìm hiểu hoàn cảnh xuất thân và bước trưởng thành của người nổi tiếng.
- * Các nhân tố tác động đến suy nghĩ và hành động của người nổi tiếng.
- * Vai trò của người nổi tiếng trong xã hội.

+ *Chuyên đề 2: Báo chí trong xã hội hiện đại.*

- * Tìm hiểu hoạt động của một cơ quan báo chí.
- * Tìm hiểu tác động của báo chí với xã hội (qua một tờ báo cụ thể)
- * Thảo luận một số tình huống khủng hoảng của các cơ quan báo chí.

9.55. Dự án 1 (1 tín chỉ) và Dự án 2 (2 tín chỉ)

- Mục tiêu:

+ Nghiên cứu hoạt động của báo chí, truyền thông doanh nghiệp, hiểu được ảnh hưởng của báo chí và truyền thông đại chúng đối với hoạt động của doanh nghiệp, của cơ quan nhà nước, của chính phủ và việc hoạch định chính sách; đối với các tổ chức, cơ quan hành chính và kinh doanh;

+ Hiểu được vai trò của công chúng và dư luận xã hội đối với các cơ quan, tổ chức.

+ Hiểu được vai trò của truyền thông và nhân viên quan hệ công chúng trong các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức.

+ Trên cơ sở những hiểu biết nói trên, người học có khả năng suy nghĩ và lập những kế hoạch quan hệ công chúng mang tính chiến lược phù hợp với chiến lược và mục tiêu của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp, xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các cơ quan/tổ chức đó với các nhóm công chúng và gây ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi của các nhóm công chúng đó.

- Nội dung Dự án 1, 2:

+ Góp phần nâng cao hiệu quả của truyền thông trong tổ chức/cơ quan và cho việc lập kế hoạch QHCC

+ Tạo dựng giá trị thương hiệu và hình ảnh qua các kênh truyền thông kết hợp.

+ Rèn luyện kỹ năng đàm phán, tiếp xúc công chúng; giải quyết mâu thuẫn, khủng hoảng.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học viên được nghiên cứu các nguyên tắc hoạt động của báo chí, vai trò ảnh hưởng của báo chí, truyền thông và dư luận xã hội; nghiên cứu các chiến lược quan hệ công chúng ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Học viên cũng được thực hành các kỹ năng lập, thực hiện và đánh giá những kế hoạch quan hệ công chúng mang tính chiến lược, cũng như các kỹ năng cần thiết khác như giao tiếp, ứng xử với công chúng, với báo chí, quản lý truyền thông nội bộ và quản lý khủng hoảng.

10. Học phần tự chọn

10.1. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam. Từ đó giúp cho sinh viên phân biệt các đặc trưng riêng của văn hóa dân tộc so với đặc điểm văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới, cũng như vai trò của văn hóa trong xây dựng mối quan hệ công chúng trong các cơ quan nhà nước và trong các doanh nghiệp.

- Mô tả học phần: Cung cấp các khái niệm cơ bản về văn hóa; văn hóa truyền thống Việt Nam và xu hướng hội nhập văn hóa của Việt Nam thời kỳ hiện đại.

Trong quá trình học, sinh viên sẽ được thực hành phân tích tác động của văn hóa tới các hoạt động của doanh nghiệp và QHCC

10. 2. Kể chuyện bằng hình ảnh

- Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm được các kỹ năng kể chuyện bằng hình ảnh

- Mô tả học phần: Cung cấp các khái niệm cơ bản trong phát thanh, truyền hình và điện ảnh và các yêu cầu mang tính đặc trưng của các phương tiện truyền thông; các nguyên tắc xử lý ngôn ngữ kể chuyện và hình ảnh trong các phương tiện truyền thông khác nhau.

Trong quá trình học, sinh viên sẽ được thực hành viết kịch bản. Nếu kịch bản có chất lượng sẽ được sử dụng trên kênh truyền hình hoặc phát thanh.

10. 3. Văn hóa giao tiếp (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm được khái niệm giao tiếp và đặc trưng văn hóa các loại hình giao tiếp khác nhau. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để thực hành giao tiếp một cách có hiệu quả với khách hàng, với đồng nghiệp và các nhà quản lý...

- Mô tả học phần: Môn học sẽ làm rõ khái niệm giao tiếp và văn hóa giao tiếp; những khác biệt quan trọng trong giao tiếp tiếng Việt và các ngôn ngữ khác trên thế giới; các hiện trạng giao tiếp thiếu văn hóa cần khắc phục ở các cơ sở sản xuất và các doanh nghiệp; các yêu cầu bắt buộc của văn hóa giao tiếp trong các môi trường khác nhau.

Trong quá trình học, sinh viên sẽ được thực hành giao tiếp với khách hàng, với doanh nghiệp hoặc nhà sản xuất.

10. 4. Truyền thông vào toàn cầu hóa (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Giúp sinh viên hiểu rõ quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra trong lĩnh vực truyền thông; tác động của toàn cầu hóa đối với QHCC ở Việt Nam; các biện pháp thích nghi và hội nhập toàn cầu trong lĩnh vực truyền thông.

- Mô tả học phần: Môn học giới thiệu khái quát quá trình hình thành và phát triển của toàn cầu hóa với các lĩnh vực trọng yếu trong chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Từ đó, môn học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và triển vọng hội nhập của Việt Nam với thế giới... Sau khi học,, sinh viên có thể gắn kết với truyền thông và sáng tạo về mặt nội dung, ứng dụng ý tưởng và các công cụ truyền thông vào các kế hoạch hoạt động QHCC. Thông qua việc phân tích các tình huống thực tế (case study), các chiến lược truyền thông trong thời đại toàn cầu hóa, sinh viên sẽ có được nhận thức đúng đắn về vai trò của truyền thông trong toàn cầu hóa hiện nay.

11. Thực tập tốt nghiệp

- Mục tiêu học phần: Tạo điều kiện cho sinh viên củng cố các kiến thức chuyên ngành và vận dụng vào hoàn cảnh thực tế của doanh nghiệp hay các cơ quan của Chính phủ, Nhà nước.

- Mô tả học phần:

Ứng dụng hiểu biết chuyên ngành của mình để tiến hành xây dựng chiến lược trong hoạt động QHCC tại các doanh nghiệp hay nơi sản xuất, viết bài cho cơ quan báo chí hoặc đài phát thanh, truyền hình; trợ lý cho giám đốc doanh nghiệp; tổ chức sự kiện hoặc sản xuất video clips về một sản phẩm cụ thể hoặc quá trình phát triển của sản xuất; xử lý một hiện tượng truyền thông liên quan đến doanh nghiệp...

12. Khóa luận tốt nghiệp (5 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Giúp sinh viên viết khóa luận về một đề tài cụ thể dưới sự hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Ngôn ngữ và Truyền thông đa phương tiện phải đạt được các tiêu chuẩn sau:

+ Điểm tổng kết tất cả các học phần phải từ 6,5 trở lên.

+ Không có học phần nào điểm dưới 5.

+ Không vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

+ Trong trường hợp có nhiều sinh viên đạt đủ 3 tiêu chuẩn trên thì mỗi khóa cũng chỉ chọn 30% đến 40 % số từ cao xuống thấp để làm khóa luận. Số còn lại sẽ thực hiện thi tốt nghiệp.

- Mô tả học phần: Học phần có vai trò quyết định trong việc hoàn tất chương trình đào tạo chuyên ngành Ngôn ngữ và Truyền thông đa phương tiện. Để thực hiện học phần này, sinh viên được quyền tự lựa chọn đề tài để nhờ giảng viên hướng dẫn. Đề tài phải được thông qua Hội đồng Khoa học của Khoa. Chủ tịch Hội đồng Khoa học của Khoa, trình Hiệu trưởng ra Quyết định cho các sinh viên được làm khóa luận và phân công giảng viên hướng dẫn khoa học. Sinh viên có trách nhiệm vận dụng những kiến thức và kỹ năng của các học phần trong chương trình để thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sau khi hoàn thành, sinh viên được phép bảo vệ khóa luận của mình trước Hội đồng chấm Khóa luận tốt nghiệp do Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Trãi thành lập theo quy định.

